



# CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM FUBON (VIỆT NAM)

Địa chỉ: 4F, 801 đường Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phú, Quận 7, TPHCM  
 Điện thoại: 84 8 54.155.678 Fax: 84 8 54.155.188 Website: www.fubon.com.vn

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2008

### PHẦN I. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

#### 1. SƠ LƯỢC LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HOẠT ĐỘNG

Công ty TNHH Bảo hiểm Fubon (Việt Nam) là một công ty 100% vốn nước ngoài với số vốn 300 tỷ đồng hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, là thành viên của Tập đoàn tài chính Fubon Đài Loan – một trong những Tập đoàn tài chính toàn diện lớn nhất Đài Loan và Công ty Bảo hiểm Fubon (Đài Loan). Công ty Bảo hiểm Fubon (Đài Loan) luôn đứng đầu thị trường bảo hiểm phi nhân thọ tại Đài Loan trong 27 năm liên tiếp và đã hai lần đạt giải thưởng “Công ty bảo hiểm của năm” (năm 1999 & năm 2004) do Tạp chí Bảo hiểm châu Á bình chọn. Để thành lập được Công ty Bảo hiểm Fubon (Việt Nam), Tập đoàn tài chính Fubon và Công ty Bảo hiểm Fubon (Đài Loan) đã có quá trình nghiên cứu và tiếp cận thị trường Việt Nam trong hơn 12 năm (từ năm 1996); tháng 7/2008, Công ty Bảo hiểm Fubon (Việt Nam) chính thức được Bộ Tài Chính cấp giấy phép thành lập và hoạt động. Các hoạt động kinh doanh của Công ty Bảo hiểm Fubon (Việt Nam) bao gồm: Bảo hiểm sức khỏe; bảo hiểm tai nạn con người; bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại; bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt; bảo hiểm xe cơ giới; bảo hiểm cháy nổ; bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm của chủ tàu; bảo hiểm trách nhiệm chung; bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính; bảo hiểm thiệt hại kinh doanh; tái bảo hiểm...

Hiện nay, số nhân viên của Công ty bảo hiểm Fubon là 35 người; năm 2010, số nhân viên chính thức sẽ là 80 người không bao gồm đại lý bảo hiểm và các tư vấn viên. Ngoài chi nhánh đã thành lập tại Hà Nội, sắp tới Fubon sẽ thành lập thêm một số chi nhánh tại các tỉnh thành khác.

#### 2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
 Số: 123-21-08

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán kèm theo của Công ty TNHH Bảo hiểm Fubon (Việt Nam) (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (“các báo cáo tài chính”) cho kỳ từ ngày 01 tháng 7 năm 2008 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008.

##### Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế được chấp nhận ở Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán nhằm có được cơ sở hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Quá trình kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng chứng minh cho các số liệu và giải trình trên các báo cáo tài chính. Quá trình kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng do Ban Giám đốc thực hiện, cũng như đánh giá sự trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng quá trình kiểm toán đã cung cấp các cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

##### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên mọi khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Bảo hiểm Fubon (Việt Nam) tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 7 năm 2008 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn NEXIA ACPA  
 Số Đăng ký Kinh doanh: 0102012231  
**LÊ MINH THẮNG**  
 Phó Tổng Giám đốc - Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0256/KTV  
 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
 Ngày 6 tháng 2 năm 2009

**NGUY QUỐC TUẤN**  
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0253/KTV

#### 3. BÁO CÁO KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Kiểm toán nội bộ công ty đã tiến hành kiểm tra tất cả các hoạt động của công ty trong kỳ báo cáo, và chúng tôi không phát hiện bất cứ trường hợp đặc biệt nào phát sinh trong kỳ báo cáo.

### PHẦN II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2008

#### I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

DVT: đồng VN

STT	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
<b>TÀI SẢN</b>			
<b>I</b>	<b>Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn</b>		<b>305,141,537,359</b>
1	Tiền		47,314,160,718
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng)		254,653,132,530
3	Các khoản phải thu		2,072,456,901
4	Tài sản lưu động khác		1,101,787,210
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>28,676,557,891</b>
1	Tài sản cố định		
	- Nguyên giá		22,347,042,961
	- Khấu hao lũy kế		(1,084,980,891)
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
3	Ký quỹ		7,414,495,821
4	Tài sản khác		
<b>III</b>	<b>Tổng tài sản</b>		<b>333,818,095,250</b>
<b>CÔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
<b>IV</b>	<b>Công nợ</b>		
1	Nợ ngắn hạn		27,134,779,521
2	Nợ dài hạn		2,505,293,392
3	Nợ khác		
4	Dự phòng nghiệp vụ		184,951,166
<b>V</b>	<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>		
1	Nguồn vốn kinh doanh		300,000,000,000
2	Các quỹ		
3	Lợi nhuận chưa phân phối		3,993,071,171
4	Nguồn vốn khác		
<b>VI</b>	<b>Tổng công nợ và vốn chủ sở hữu</b>		<b>333,818,095,250</b>

#### II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Lũy kế
<b>1</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>10,745,380,892</b>	<b>10,745,380,892</b>
	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm, môi giới bảo hiểm	51,014,055	51,014,055
	Doanh thu về hoạt động tài chính	10,694,351,437	10,694,351,437
	Doanh thu khác	15,400	15,400
<b>2</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>4,247,016,329</b>	<b>4,247,016,329</b>
	Chi phí từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm, môi giới bảo hiểm	6,393,207	6,393,207
	Chi phí hoạt động tài chính	116,004,540	116,004,540
	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4,124,618,582	4,124,618,582
	Chi phí khác		
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế EBIT</b>	<b>6,498,364,563</b>	<b>6,498,364,563</b>
<b>4</b>	<b>Thuế thu nhập tạm hoãn</b>	<b>2,505,293,392</b>	<b>2,505,293,392</b>
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>3,993,071,171</b>	<b>3,993,071,171</b>

#### III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ báo cáo
<b>Cơ cấu tài sản</b>			
<b>1</b>	Tài sản cố định/Tổng Tài sản	%	<b>8.60%</b>
	Tài sản lưu động/Tổng Tài sản		<b>91.40%</b>
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
<b>2</b>	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	<b>8.93%</b>
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		<b>91.07%</b>
<b>Khả năng thanh toán</b>			
<b>3</b>	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	<b>11.05</b>
	Khả năng thanh toán hiện hành		<b>11.17</b>
<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>			
<b>4</b>	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	<b>1.95%</b>
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/(Doanh thu thuần+Doanh thu hoạt động tài chính)		<b>37.16%</b>
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		<b>1.31%</b>

